

## VAI TRÒ CỦA TRUNG ĐÔNG TRONG NỀN CHÍNH TRỊ - KINH TẾ THẾ GIỚI

*Th.S. Nguyễn Duy Lợi\**

### I. THỰC TRẠNG CHÍNH TRỊ CÁC NƯỚC TRUNG ĐÔNG

Trung Cận Đông hay Trung Đông là hai cách gọi dùng để chỉ cùng một khu vực của thế giới. "Vùng Trung Cận Đông", có tính ước lệ hơn, được người châu Âu dùng để chỉ những thuộc địa của đế chế Ôttôman cũ, gần như hướng hoàn toàn về Địa Trung Hải. Đó là một thuật ngữ có tính chất địa lý nhiều hơn, thay thế cho thuật ngữ cổ điển "Levant" (phương Đông - chỉ hướng mặt trời mọc). Thuật ngữ này trong thời kỳ dài xác định vùng này nằm ở phía Đông Địa Trung Hải. Ngược lại "Trung Đông" là một cách gọi trước đây do người Anh tạo ra kể từ đầu thế kỷ XX. Nó được sử dụng chủ yếu từ năm 1945 để chỉ khu vực trải rộng ra từ Libi tới Apganixtan.

Về văn hóa, Trung Đông bao gồm phía Đông của thế giới Arập (Maghreb), từ phía Đông của Libi và "thung lũng bất tử" của sông Nin trải rộng tới tận phía Đông Apganixtan. Vì vậy Trung Đông bao gồm cả các nước Arập như: Thổ Nhĩ Kỳ và Síp, Iran và Apganixtan và ba nước châu Phi là Libi, Ai Cập, Xu Đãng. Ixraen không thuộc về thế giới Arập. Pakixtan thuộc về

"thế giới Ấn Độ" theo cách của người Anh, dù nước này có chung tôn giáo với các quốc gia Trung Đông.

#### 1. Lịch sử phát triển xã hội ở các nước Hồi giáo

Hồi giáo và chủ nghĩa liên minh Arập là hai thế lực chính ở đây, hai thế lực rất lớn trên phương diện chính trị và tôn giáo ở Trung Đông, nhưng đôi khi đối lập nhau. Dù các dân tộc thiểu số Kitô giáo và Do thái giáo vẫn tồn tại, song phải đương đầu với nhiều khó khăn. Hồi giáo rất mạnh ở khu vực này, song nó có tính hai mặt: vừa là nhân tố đảm bảo sự thống nhất lại vừa là nhân tố gây chia rẽ trong khu vực. Ở Trung Đông, dầu mỏ - "vàng đen" của sa mạc - khởi nguồn của sự giàu có và sức mạnh, được xem như một nhân tố đặc trưng của vùng này. Tuy vậy, không phải nước nào cũng có trữ lượng dầu mỏ lớn và khai thác nhiều.

Các nước đạo Hồi hiện đang ở vào giai đoạn chuyển đổi từ xã hội truyền thống, lạc hậu, kém phát triển sang xã hội hiện đại, tiên tiến. Chế độ chính trị của phần lớn các nước Hồi giáo cũng đang trong quá trình chuyển đổi sang chế độ chính trị dân chủ hơn. Đương nhiên đây là một quá

\* Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

trình lâu dài, không thể hoàn thành trong thời gian ngắn.

Theo đánh giá chung của các học giả, nền chính trị của các nước Hồi giáo trải qua ba giai đoạn: (1) Chuyên chế truyền thống; (2) Quá độ chính trị; (3) Chính trị dân chủ hiện đại. Chuyên chế truyền thống chủ yếu tồn tại trong thời kỳ phong kiến, thực dân hoặc khi đã dành độc lập nhưng vẫn duy trì nền thống trị chuyên chế trước khi chuyển sang chế độ dân chủ hiện đại. Quá độ chính trị chủ yếu là thời kỳ sau khi từ bỏ chế độ chính trị chuyên chế truyền thống, chuyển sang chế độ dân chủ.

Sự phân chia giai đoạn như trên là dựa trên phân tích tình hình đa số các nước Hồi giáo thời gian qua. Tất nhiên, bản thân các giai đoạn chính trị, xã hội trên là trạng thái động, luôn thay đổi chứ không cố định đối với từng nước nào, hay khu vực nào trong thế giới đạo Hồi, bởi vì tình hình phát triển xã hội, chính trị, kinh tế, lịch sử, văn hóa của các nước Hồi giáo rất khác nhau, hình thức phát triển chính trị cũng rất đa dạng. Có nhiều nước tuy chưa thoát khỏi chế độ chuyên chế, nhưng đã thực hiện một phần công khai hóa và dân chủ hóa, một số nước đã xây dựng được nền dân chủ thực sự, nhưng một số nước chỉ là dân chủ bề ngoài hoặc chỉ là hình thức mà thực chất vẫn là chuyên chế hoặc chính thể thân quyền.

## 2. Giai đoạn phát triển hiện nay của đạo Hồi

Thể chế chính trị ở Trung Đông do đạo Hồi - là tôn giáo mang tính tương đối đóng cửa và bảo thủ - chi phối. Tình trạng này phần lớn do sự phát triển cơ sở vật chất của đạo Hồi quyết định, tức là tình hình phát triển kinh tế, xã hội của các nước Hồi giáo trong thời gian dài nằm dưới ách

thống trị thực dân, kể từ khi giành được độc lập dân tộc cũng vẫn trong tình trạng lạc hậu.

Dù đạo Hồi có ảnh hưởng rất lớn tới các nước theo tôn giáo này, nhưng hầu hết các nước Hồi giáo đã xây dựng được thể chế chính trị dân chủ thể tục (tức là thoát khỏi thể chế xã hội tôn giáo) nhưng vẫn không thể từ bỏ được ảnh hưởng của màu sắc tôn giáo, kể cả chế độ chính trị, quan niệm lý luận và tổ chức xã hội. Những ảnh hưởng này ăn sâu tới nhiều mặt trong đời sống xã hội. Đạo Hồi đã mang theo trên mình nó những chức năng phi tôn giáo, gắn liền với chức năng tôn giáo. Điều này cho thấy đạo Hồi vẫn đang ở vào giai đoạn phát triển tương đối lạc hậu. Tình trạng này do bản thân điều kiện lịch sử xã hội đặc biệt của các nước Hồi giáo quyết định, chứ không phải đặc tính vốn có của đạo Hồi. Đây là quy luật chung của các đạo giáo trong quá trình phát triển.

Sự phát triển giữa các nước đạo Hồi không đồng đều. Thổ Nhĩ Kỳ ở vào giai đoạn phát triển tương đối cao, trong khi các nước khác như Iran, Apganixtan, Xu Đãng và các nước quân chủ ở vùng Vịnh vẫn ở vào giai đoạn phát triển tương đối thấp, còn một số nước khác như Ai Cập, Xi Ri, Irắc ở vào giai đoạn phát triển trung bình. Nhìn tổng thể thì sự phát triển đạo Hồi ở khu vực Trung Đông mang nhiều màu sắc của chế độ phong kiến. Mối quan hệ giữa chính quyền và tôn giáo rất chặt chẽ.

Hiện nay ở khu vực Trung Đông, Iran là nước duy nhất thực sự xây dựng chế độ "thân quyền", còn Ả-rập Xê-út lại thực hiện sự thống trị hợp nhất giữa chính quyền và tôn giáo, trong khi Thổ Nhĩ Kỳ hoàn toàn là nước dân chủ hiện đại, tách rời giữa



chính quyền với tôn giáo. Các nhà phân tích cho rằng Thổ Nhĩ Kỳ có thể là khuôn mẫu cho phương hướng phát triển chính trị của các nước Hồi giáo.

### **3. Thách thức trong thời kỳ chuyển đổi**

Vấn đề trước tiên mà các nước Hồi giáo phải giải quyết khi chuyển từ truyền thống sang hiện đại là giải quyết vấn đề tính hợp pháp chính trị. Tính hợp pháp chính trị nói chung của các nước Hồi giáo mới giành được độc lập là quyền lực dân chủ truyền thống, thần linh giao quyền hoặc là chủ nghĩa dân tộc cộng với quốc hội được bầu ra. Bởi vậy, đại biểu cho quyền lực tối cao thông thường là giáo chủ hoặc những lãnh tụ mang tính thần bí, nhưng về hình thức vẫn có thể có bầu cử. Do đó, việc cai trị đất nước không phải dựa vào một thể chế có sự đảm bảo của hệ thống pháp luật hiện đại mà phụ thuộc vào lãnh tụ tôn giáo hay giáo chủ. Điều này có liên quan tới thời gian giành được độc lập chưa lâu và nền dân chủ chưa phát triển ở các nước này. Trong tình hình mới giành được độc lập chính trị và phát triển kinh tế, các nước này vẫn cần tới thần quyền để có quyền uy lớn trong dân chúng, từ đó mới động viên được dân chúng, chống lại sức ép chính trị từ bên ngoài. Do đó, ở những nước Hồi giáo có những hiện tượng như "lãnh đạo suốt đời" hoặc "cha truyền con nối".

### **4. Sự phức tạp của quan hệ chính quyền và tôn giáo**

Hiện đại hóa là tiến trình tất yếu của phát triển lịch sử xã hội các nước Hồi giáo. Hiện đại hóa có lợi cho sự ra đời chế độ chính trị dân chủ và thế tục thoát ly màu sắc tôn giáo. Đây là một quá trình lâu dài, ngay các nước châu Âu cũng phải trải qua

mấy thế kỷ xung đột và mâu thuẫn giữa chính quyền và tôn giáo mới hoàn thành được tiến trình lịch sử lâu dài này. Các nước Hồi giáo cũng vậy, hơn nữa trong quá trình này sẽ diễn ra những cuộc đấu tranh, cọ sát, xung đột gay gắt. Trong thập kỷ 1970, cá biệt có nước xuất hiện xu hướng ngược lại với trào lưu thế tục hóa, thành lập chính quyền thần quyền như Iran, nhưng đây không phải là xu thế chung của các nước Hồi giáo. Xu Đảng năm 1991 tuyên bố thực hiện giáo pháp Hồi giáo, nhưng sau đó 7 năm lại ban hành hiến pháp thế tục, xác định rõ "quyền lực thuộc về nhân dân". Nhiều nước Hồi giáo khác cũng xuất hiện tình hình tương tự và ngày càng tiếp thu những nội dung của hệ thống luật pháp và chế độ chính trị hiện đại. Bởi vậy, sự xung đột và mâu thuẫn giữa chính quyền và tôn giáo vẫn tiếp tục ảnh hưởng tới tiến trình phát triển xã hội ở các nước Hồi giáo. Mặc dù trong thời gian ngắn khó có thể xuất hiện những nước Hồi giáo thực hiện được như Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng những mầm mống phát triển chế độ dân chủ hiện đại đã và đang trở dậy.

### **5. Sự điều chỉnh nhà nước dân tộc**

Hầu hết các nước Hồi giáo lần lượt giành được độc lập trong thời kỳ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới. Do tàn dư thống trị và phân chia của chế độ thực dân cũ, nên sau khi giành được độc lập việc phân chia lại lãnh thổ và dân tộc trở nên phức tạp, chẳng hạn như thể chế chính trị của Libăng là "thể chế phân quyền theo giáo phái", do sự phân chia quyền lực theo giáo phái nên Libăng xảy ra nội chiến trong 15 năm liền. Người Cuốc là dân tộc lớn thứ 4 ở Trung Đông, nhưng do sự thống trị của thực dân, nên người Cuốc bị chia năm xẻ

bảy và phân bố sống ở Irắc, Iran, Thổ Nhĩ Kỳ, Xi Ri. Bởi vậy, độc lập dân tộc trở thành khẩu hiệu đấu tranh của người Cuốc và cũng là vấn đề gai góc làm đau đầu lãnh đạo các nước này.

### 6. Xã hội và kinh tế lạc hậu

Nghèo nàn và lạc hậu là đặc điểm nổi bật ở các nước Hồi giáo Trung Đông cho dù họ có trữ lượng dầu mỏ phong phú. Trữ lượng dầu mỏ của các nước Hồi giáo chiếm tới 70% tổng trữ lượng của thế giới, trong đó Trung Đông chiếm tỷ trọng lớn, trong khi dân số chỉ chiếm 1/4 dân số thế giới. Sự phát triển của các nước Hồi giáo rất không đồng đều, chênh lệch mức sống lớn, tình trạng xã hội và kinh tế đều lạc hậu. Hơn nữa do trữ lượng dầu mỏ nhiều, nên cơ cấu kinh tế của các nước này cũng tồn tại nhiều bất cập, như quá phụ thuộc vào xuất khẩu năng lượng để duy trì phát triển kinh tế.

## II. TRUNG ĐÔNG TRONG CHIẾN LƯỢC CỦA MỸ VÀ CHÂU ÂU

### 1. Trung Đông trong chiến lược của Mỹ

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, chính sách của Mỹ ở khu vực Trung Đông nhằm 3 mục đích: ngăn chặn Liên Xô mở rộng vùng ảnh hưởng nên Mỹ trao vai trò chủ chốt cho Thổ Nhĩ Kỳ và Iran; bảo đảm an toàn cho nguồn cung ứng dầu mỏ; và bảo đảm an ninh cho Ixraen, nước mà Mỹ có mối quan hệ đặc biệt.

Trong nửa thế kỷ, chính sách này của Mỹ cũng gặp trục trặc (các cuộc chiến tranh giữa Ixraen và các nước Arập năm 1968 và 1973, các cú sốc dầu mỏ) hay thất bại từng phần (như ở Libăng và Iran), nhưng rốt cuộc vẫn thành công. Các chuyên gia tính rằng từ năm 1945 đến

năm 2000, Mỹ đã chi cho Trung Đông khoảng 200-250 tỷ USD. Mỹ cũng có thái độ phân biệt đối xử trong số các đồng minh. Có đồng minh được hưởng viện trợ quân sự và kinh tế (Ixraen, Ai Cập, Gioocđani và Irắc hiện nay nhận được nhiều viện trợ nhất của Mỹ), có đồng minh giàu có (Arập Xêut và Các tiểu vương quốc Arập thống nhất) được bảo vệ về quân sự và hợp tác thương mại và tài chính. Gần đây, Mỹ đã đưa ra kế hoạch "Đại Trung Đông" theo hướng chính sách của Truman năm 1947 thông qua việc tạo thuận lợi phát triển dân chủ và kinh tế. Để khống chế chủ nghĩa khủng bố tôn giáo và chủ nghĩa dân tộc ở Trung Đông, Mỹ đi theo hướng là tạo nên những điều kiện thuận lợi để có được tiến bộ chính trị và kinh tế theo hướng dân chủ và chủ nghĩa tư bản. Tuy học thuyết của Mỹ xuất phát từ cơ sở tốt, song có thể người dân Trung Đông nhìn nhận như một hình thức xâm lược. Điều này sẽ khiến phương Tây và phương Đông đối lập nhau hoàn toàn, đến mức có thể gây ra đối kháng, trong khi không tính tới tiêu điểm của các mối căng thẳng: đó là cuộc xung đột giữa Ixraen với Palestin và giữa Mỹ với thế giới Arập. Vì vậy mà các nước Trung Đông thờ ơ hoặc nghi ngờ kế hoạch này của Mỹ.

Các phần tử Hồi giáo cực đoan coi kế hoạch "Đại Trung Đông" của Mỹ không phải là dân chủ, cũng không phải là sự phát triển, mà là sự bảo hộ đối với Ixraen và kiểm soát nguồn dầu mỏ. Muốn làm thay đổi hần tư duy này, phương Tây phải tỏ ra không vụ lợi và hành động có đạo đức. Sẽ còn là ảo tưởng nếu nghĩ rằng khủng bố xuất phát từ tình trạng nghèo khổ, vì không ít những kẻ khủng bố xuất thân từ các tầng lớp khá giả, các nước ôn hòa và được đào tạo ở phương Tây. Để

nhân dân các nước Arập loại bỏ những kẻ khủng bố thì phải làm cho họ hiểu rằng những kẻ này hành động sai trái và phương Tây có lý. Nhưng muốn có lý thì giàu có và hùng mạnh vẫn chưa đủ. Về lâu dài, có thể dân chủ và phát triển sẽ chiến thắng ở Trung Đông, nhưng con đường để đi đến đó còn dài và đầy chông gai.

## 2. Trung Đông trong chiến lược của châu Âu

Châu Âu đưa ra chiến lược 3 điểm trái với cách tiếp cận của Mỹ; Thứ nhất là cần tránh tác động tới các hình thái chính trị bao trùm trong vùng, mà để cho chúng phát triển tự do; Thứ hai là phải giải quyết vấn đề Palestín để làm dịu dư luận Arập; Thứ ba là phát triển trao đổi hàng hóa và hợp tác song phương. Chính sách này chưa biết có mang lại kết quả hay không, nhưng xem ra có vẻ thích hợp hơn vì rủi ro ít hơn.

Những xu thế và sáng kiến gần đây cho thấy các nước châu Âu không chỉ "tỏ ra lo ngại" về vấn đề cải cách chính trị ở Trung Đông, mà còn cố gắng tìm kiếm một triết lý chỉ đạo mà họ cho là khác biệt về chất so với quan niệm của Mỹ - một khác biệt vượt ra ngoài nội dung tư tưởng chung của chính quyền Bush. Cách tiếp cận vấn đề của châu Âu đang được coi là "con đường thứ ba", nằm giữa hai biện pháp thay đổi chế độ và ủng hộ các chế độ chuyên quyền như Mỹ vẫn thực hiện, có thể áp dụng cho cuộc cải cách chính trị và được tiến hành một cách từ từ, dần dần. Phương cách này được thể hiện ở một vài nét riêng mang dáng dấp của châu Âu.

*Thứ nhất*, trong phân giới thiệu tổng thể các mục tiêu của mình, các chính trị gia châu Âu thường tìm cách diễn đạt bằng một giọng điệu rất khác biệt so với

chiến lược chỉ đạo của Mỹ. Nhìn chung, các nước châu Âu đều không muốn nhắc trực tiếp đến các hiệu quả và lợi ích của dân chủ mà chỉ lưu ý "cải cách chính trị là một phần không thể thiếu trong tiến trình hiện đại hóa kinh tế - xã hội nói chung". Như vậy, bằng cách diễn đạt "phổ biến các giá trị tự do" thay vì cách nói vỗ mặt "thay đổi chế độ" của Mỹ, các nước châu Âu đã tạo một khác biệt khi đề cập tới vấn đề cải cách dân chủ. Các nước châu Âu hoàn toàn không đồng tình với cách nói thẳng thừng trong một số tuyên bố của Mỹ. Thậm chí, ngay cả khi nhất quyết muốn thấy một nền chính trị cởi mở ở Trung Đông, các nhà hoạch định chính sách châu Âu vẫn chứng tỏ họ luôn quan tâm đến những nguy cơ mà sự thay đổi chính trị có thể gây ra.

Các nước châu Âu cũng thường xuyên diễn tả sao đó để tránh được cụm từ "thúc đẩy dân chủ". Các chính trị gia Đức xác định cải tổ chính trị là "chuyển biến theo từng lĩnh vực riêng biệt" chứ không phải là dân chủ hóa thuần túy. Chiến lược cải cách thế giới Arập của Anh được hướng theo các mục tiêu "pháp trị" chứ không phải "chế độ dân chủ". Một nhà ngoại giao phụ trách việc hoạch định chính sách cải cách chính trị Trung Đông mới của một chính phủ cho rằng châu Âu đã tìm được một "vỏ bọc trung dung" để có thể gây ảnh hưởng rộng rãi đến sự thay đổi chính trị tại Trung Đông mà không nhất thiết phải tiến hành mục tiêu thay đổi chế độ như Mỹ thường làm.

*Thứ hai*, "quan hệ đối tác" là khái niệm nổi bật mà các chính phủ và các tổ chức châu Âu rất thích sử dụng trong các khung chính sách cải cách chính trị được đề ra. Có khuynh hướng thiên về "cam kết tích cực", không có gì lạ khi châu Âu

không muốn áp dụng "chiến lược cưỡng bức thay đổi hàng loạt về chính trị" trong thế giới Arab cho dù đã có lần họ gây sức ép mạnh mẽ đối với một vài trường hợp cá biệt. Chẳng hạn trường hợp của Ai Cập khi nước này ban hành luật hạn chế thành lập các tổ chức phi chính phủ năm 1999, hoặc của Tuynidi khi nước này làm đổ vỡ một số dự án viện trợ của châu Âu mới đây. Nhưng trong hầu hết các trường hợp, đa số các nước châu Âu đều không muốn áp đặt một biện pháp trừng phạt có điều kiện nào. Thậm chí các nước Bắc Âu còn cho rằng nói đến trừng phạt có điều kiện chẳng khác nào một cách tự đề cao mình quá mức. Với việc Tây Ban Nha luôn là một trong những nước miễn cưỡng nhất trong việc tìm kiếm các biện pháp trừng phạt cưỡng bức, thủ tướng mới đắc cử Jose Louis Rodriguez Zapatero đã tự cam kết quay lại với một phương pháp "truyền thống" hơn, đó là xây dựng đồng minh trên cơ sở đồng thuận ở Trung Đông. Bất cứ một biện pháp nào ở cấp độ châu Âu có thể được coi như một sự can thiệp cũng đều được cân nhắc rất kỹ lưỡng và nếu tránh được thì càng tốt. Ngôn ngữ trong dự thảo chiến lược an ninh của châu Âu đề xuất sự can thiệp trong chừng mực có thể của EU nhằm "bảo vệ dân chủ" đều được dùng theo ý muốn các nước thành viên. Hầu hết các nước châu Âu đều thống nhất trong việc phản đối quan niệm đưa một số nước như Xi Ri, Iran và Libi ra khỏi các sáng kiến được đề nghị áp dụng cho khu vực Trung Đông của Mỹ. Tuy nhiên, cũng cần thừa nhận rằng trên thực tế, cam kết của châu Âu với các nước kể trên nhằm ngăn chặn nguy cơ phổ biến hạt nhân đã ít nhiều làm giảm lực đòn bẩy đối với cuộc cải tổ chính trị.

Một số tuyên bố của châu Âu về việc thực hiện cải cách chính trị ở thế giới Arab

đã không tái đảm bảo được rằng sẽ không có vấn đề "áp đặt sự thay đổi từ bên ngoài", "cưỡng bức thay đổi" hoặc "quy định" mọi "khuôn mẫu" cho sự chuyển hướng tới dân chủ. Trong khi đó, hầu hết các tuyên bố về dân chủ và nhân quyền ở Trung Đông đều có sự tham khảo "những tương đồng lịch sử", "di sản văn hóa chung" và "ý thức sâu sắc về vai trò đối tác" mà châu Âu cho là luôn tồn tại giữa họ và Trung Đông. Thực tế cho thấy bất cứ một mệnh đề nào trong các điều khoản gây tác động đến Trung Đông mà châu Âu đề ra cũng đều được đi kèm với một sự tái đảm bảo rằng mục đích của họ không phải là trừng phạt, mà đơn thuần chỉ là một mong muốn "tích cực". Thậm chí có chính phủ ở châu Âu còn cố ý sửa chữ "cải cách" trong sáng kiến "Chính sách Trung Đông mới" thành chữ "đối tác". Nhìn chung, các nước châu Âu đều cho rằng Mỹ đã không tham khảo bất cứ chính phủ hoặc xã hội dân sự nào ở Trung Đông khi đề ra "Sáng kiến Đại Trung Đông".

Trong các yêu sách được ghi trong các kế hoạch nhân quyền và các dự án "hỗ trợ dân chủ" dành cho khu vực Trung Đông, châu Âu thường nhấn mạnh việc áp dụng rộng rãi vai trò đối tác trong quá trình thực thi các biện pháp mang tính chính trị đối với các chế độ độc tài trong thế giới Arab. Các kế hoạch nhân quyền đều được châu Âu quan niệm là một "đề nghị" chứ không phải là "điều kiện áp đặt" và điều này chỉ thu hút được sự chú ý của Maroc và Gioocđani. Điều dễ nhận thấy trong chính sách gần đây của châu Âu là ý đồ khai thác hai "Báo cáo phát triển nhân quyền trong thế giới Arab của Liên hợp quốc và "Tuyên bố Sanaa" vốn được coi là các tuyên bố về "tiên cải tổ nội bộ". Với việc đề ra hàng loạt sáng kiến cải cách mới

dựa trên những đánh giá tình hình Trung Đông sau cuộc chiến ở Irắc và những nét đặc thù của thế giới Arập, châu Âu cho rằng họ đang tạo ra một "xu hướng cải tổ mới" cho Trung Đông và thế giới Arập.

Nét nổi bật *thứ ba* trong tư tưởng cải cách của châu Âu được thể hiện ở ngân sách hỗ trợ dân chủ của châu Âu vẫn rất khiêm tốn nếu xét về quy mô. Có thể chắc chắn một điều rằng viện trợ dân chủ mà châu Âu bỏ ra cho Trung Đông không đáng kể so với những khoản tài trợ cung cấp cho các hoạt động như kiểm soát nhập cư, hợp tác chống khủng bố, tăng cường pháp luật và hợp tác an ninh với các chế độ được coi là phi dân chủ trong khu vực. Sự kiện 11/9/2001 diễn ra đã hơn 4 năm nay nhưng châu Âu thậm chí vẫn không quá bận tâm đến các chương trình hỗ trợ cải tổ chính trị ở Trung Đông.

Trung Đông vẫn chưa phải là một đối tượng quan trọng trong kế hoạch ngân sách viện trợ chính trị của hầu hết các nước thành viên Liên minh Châu Âu (EU). Với việc tập trung vào các nước đang phát triển nghèo nhất, Anh vẫn tiếp tục rút viện trợ dành cho khu vực Trung Đông và Bắc Phi (MENA), giảm các chương trình hợp tác song phương với Ai Cập và Giocđani. Không đồng tình với việc quy kết chủ nghĩa khủng bố bùng nổ là do tình trạng kém phát triển ở Trung Đông, Bộ Ngoại giao Anh đã thẳng thừng tuyên bố khu vực này vẫn đang được nhận "quá nhiều viện trợ". Kết quả là Anh chỉ cung cấp viện trợ cho 23 dự án ở Trung Đông trong tổng số vài trăm dự án cần sự hỗ trợ của châu Âu, và toàn bộ quỹ viện trợ Anh dành cho thế giới Arập trong năm tài chính 2004 chỉ có 4 triệu bảng. Trong khi đó, riêng khoản tiền mà Anh cung cấp cho

các cơ quan chống khủng bố ngay sau các vụ tấn công ở Madrid đã lên tới 15 triệu bảng.

Hà Lan chỉ tập trung vào một vài dự án khiêm tốn ở Yêmen và Ai Cập, trong khi Na Uy không hề cung cấp viện trợ cho bất cứ dự án nào ngoài các vùng lãnh thổ bị Ixraen chiếm đóng. Tây Ban Nha cũng chỉ có một vài chương trình hợp tác song phương chính thức với các chế độ ở Maroc, Tuynidi và các vùng lãnh thổ bị chiếm đóng. Chỉ có Đức mặn mà với các nước Arập: năm 2004, nước này đã cung cấp một khoản viện trợ 78 triệu Euro chiếm 1/10 tổng viện trợ song phương dành cho MENA, cho các dự án "dân chủ và điều hành" ở Trung Đông và Bắc Phi, nhưng chủ yếu là dành cho hợp tác về mặt kỹ thuật.

*Thứ tư*, sự khác biệt trong chính sách thúc đẩy cải tổ chính trị ở Trung Đông còn được thể hiện dưới các hình thức được gọi là "trợ giúp cải cách gián tiếp". Các nước châu Âu không áp dụng biện pháp can thiệp theo kiểu truyền bá dân chủ trực tiếp như Mỹ vẫn làm thông qua việc tài trợ cho các đài phát thanh, và châu Âu cũng chỉ viện trợ không đáng kể cho những phần tử sống lưu vong. Tổng số viện trợ mà họ dành cho thế giới Arập lớn hơn tổng số viện trợ tương tự của Mỹ, chỉ riêng số tiền EU cung cấp cho các nước thuộc "Đối tác Trung Đông" đã lên tới 1 tỉ Euro/năm. Tuy nhiên, trong khi Mỹ chia rõ ràng một phần ba khoản ngân sách hạn hẹp trong chương trình "Sáng kiến đối tác Trung Đông (MEPI) cho các hoạt động "viện trợ dân chủ", thì hầu hết các chính phủ châu Âu đều không đặt ra các mục tiêu như vậy.

Các ưu tiên cung cấp ngân quỹ của châu Âu thường tập trung vào các vấn đề "nhân quyền" hơn là dân chủ. Năm 2003,

70% ngân quỹ viện trợ Trung Đông của châu Âu được dành cho các khoản mục liên quan đến nhân quyền (như án tử hình, tra tấn, phân biệt sắc tộc, tư pháp quốc tế...) và chỉ có 30% dành cho cải cách dân chủ và luật pháp. Khoản hỗ trợ các vấn đề chính trị (bầu cử, đảng phái, nghị viện và quan hệ quân-dân sự) mà châu Âu dành cho Trung Đông trong chính sách viện trợ chính trị tiếp tục chiếm một tỷ lệ thấp hơn bất cứ nơi nào khác. Xem ra, châu Âu vẫn không mấy mặn mà với các vấn đề cải tổ chính trị như ghi nhận trong "Sáng kiến Đại Trung Đông" đã được thông qua tại Hội nghị G8 vừa qua.

Mặc dù nhiều nhân vật trong Đảng Phát triển và Công lý (JDP), do ông Erdogan lãnh đạo đang nắm quyền tại Thổ Nhĩ Kỳ, mong muốn mối quan hệ hiện nay sẽ trở thành một liên minh khu vực Thổ Nhĩ Kỳ - Xi Ri - Iran, nhưng mối quan hệ hợp tác chính trị thân thiện hơn có thể chỉ là chiến thuật chứ không phải chiến lược. Tương lai Irắc là động lực tạo nên mối quan hệ hữu nghị giữa ba nước. Kể từ khi thành lập năm 1923, Thổ Nhĩ Kỳ đã chú trọng thúc đẩy quan hệ với châu Âu và Mỹ chứ không phải các nước Hồi giáo ở phía Đông và Nam của nước này. Thậm chí, hiện nay Thổ Nhĩ Kỳ vẫn chỉ có một số chuyên gia về các vấn đề Trung Đông hoặc chuyên gia nói tiếng Arập. Trong lúc đó, các nước Hồi giáo trong khu vực nhìn Ankara bằng con mắt thù hận và nghi ngờ. Việc ký hiệp định huấn luyện quân sự giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Ixraen năm 1996 càng làm tăng sự nghi ngờ đó và bị khu vực lên án quyết liệt. Cuối thập kỷ 1990, Thổ Nhĩ Kỳ và Ixraen tổ chức nhiều cuộc diễn tập quân sự nghiên cứu và cứu trợ hải quân chung, đồng thời nhiều phi công

Ixraen đã được huấn luyện tại các căn cứ quân sự Thổ Nhĩ Kỳ ở Anatolia và Turks thuộc khu vực Negev. Các công ty Ixraen giành được nhiều hợp đồng quốc phòng trị giá 3 tỉ USD của Thổ Nhĩ Kỳ. Điều đáng chú ý là Ixraen và Thổ Nhĩ Kỳ đã từng công khai bác bỏ những đề nghị thành lập một liên minh nói trên. Tuy nhiên, người Arập rất sợ mối quan hệ hợp tác Ixraen - Thổ Nhĩ Kỳ phát triển thành mối quan hệ chiến lược. Mối quan hệ thân thiện với Thổ Nhĩ Kỳ của Ixraen cho thấy chính sách đối ngoại của Ixraen đã làm nước này bị cô lập trong khu vực và thù địch với các nước Hồi giáo. Trên thực tế, một liên minh với Thổ Nhĩ Kỳ giàu có đã cho phép Ixraen thâm nhập vào nguồn tài nguyên thiên nhiên chiến lược quan trọng trong khu vực.

Nhiều người cho rằng, bên cạnh việc theo đuổi mục tiêu tham gia Liên minh Châu Âu, Ankara còn phải can dự với khu vực bằng cách thiết lập mối quan hệ với các nước Hồi giáo. Chủ trương đó đã được thúc đẩy sau khi Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Irắc và nhiều người sợ cuộc chiến tranh sẽ làm tan vỡ Thổ Nhĩ Kỳ và phong trào đòi thành lập một nhà nước độc lập ở khu vực phía Bắc Irắc ngày càng phát triển. Do vậy, Ankara không cho phép Mỹ đưa lực lượng lớn qua nước này để đến Irắc, không tham gia các chiến dịch gìn giữ hòa bình quan trọng và giảm bớt quan hệ với Oasinhton. Do vậy, tầm quan trọng của một cuộc đối thoại với các nước láng giềng của Irắc trở nên rõ ràng. Các đảng phái của Thổ Nhĩ Kỳ đã đưa ra chính sách quan hệ ngoại giao thân thiện với Xi Ri và Iran dựa trên những lý do về tư tưởng và thực tiễn. Mặt khác, Xi Ri và Iran đều nhận thấy họ là những nước



đang bị Mỹ đe dọa nên rất cần trở thành những đối tác khu vực của Thổ Nhĩ Kỳ. Vì vậy, tháng 7/2003, Thủ tướng Xi Ri Mohammed Mustafa Mori đến thăm Thổ Nhĩ Kỳ để thảo luận các biện pháp tăng cường quan hệ giữa hai nước. Sau đó, tháng 1/2004, ông Bashar al-Assad, tổng thống đầu tiên của Xi Ri lại đến thăm chính thức Thổ Nhĩ Kỳ. Ngoài vấn đề phản đối việc thành lập một nhà nước độc lập của người Cuốc ở phía Bắc Irắc, Thổ Nhĩ Kỳ và Xi Ri còn ký một loạt hiệp định thúc đẩy quan hệ kinh tế. Đámát bắt đầu giảm bớt chỉ trích việc kiểm soát các nguồn nước của Thổ Nhĩ Kỳ ở khu vực sông Tigris, Euphrates và nhiều nơi khác.

Cùng lúc đó, cuối năm 2003 và 2004, các quan chức Thổ Nhĩ Kỳ và Iran đã tổ chức nhiều hội nghị để tìm biện pháp đẩy mạnh quan hệ kinh tế và hợp tác chống người Cuốc Irắc. Đỉnh cao của mối quan hệ giữa hai nước được thể hiện qua chuyến thăm Iran của Bộ trưởng Ngoại giao Thổ Nhĩ Kỳ Abdullah Gul vào tháng 1/2004. Ngược lại, Thổ Nhĩ Kỳ bác bỏ đề nghị tổ chức một cuộc hội đàm của Thủ tướng Ixraen Ariel Sharon sau khi ông này kết thúc chuyến thăm Nga. Tháng 1/2004, Cơ quan tình báo Thổ Nhĩ Kỳ cho biết, Ixraen đang thiết lập quan hệ chặt chẽ với cộng đồng người Cuốc ở Irắc nhằm chuẩn bị cho một cuộc nổi dậy của toàn bộ người Cuốc ở phía Bắc Irắc. Tháng 3/2004, sau khi xảy ra sự kiện Ixraen ám sát nhà lãnh đạo Hamas Sheikh Ahmed Yassin, Thổ Nhĩ Kỳ tố cáo nhà nước Ixraen là nhà nước khủng bố và triệu đại sứ cũng như Tổng lãnh sự Thổ Nhĩ Kỳ tại Ixraen về nước để tham khảo ý kiến. Giữa tháng 7/2004, khi Phó thủ tướng Ixraen Ehud Olmert đến Thổ Nhĩ Kỳ nhằm cải thiện quan hệ,

nhưng không được ông Erdogan, Chủ tịch đảng JDP tiếp, mặc dù trước đó vài giờ ông ta đã hội đàm với thủ tướng Xi Ri cũng đang ở thăm chính thức Thổ Nhĩ Kỳ. Tuy nhiên, chuyến thăm Têhêran hồi tháng 7/2004 của ông Erdogan cho thấy mối quan hệ giữa Thổ Nhĩ Kỳ với Iran và Xiri cũng có những nguy cơ và hạn chế. Mỹ thường xuyên cảnh cáo và phản đối Ankara tăng cường quan hệ với những nước mà Mỹ coi là cứng đầu. Khi ông Erdogan rời Têhêran, các nhà ngoại giao Mỹ ở Ankara nhắc nhở Thổ Nhĩ Kỳ rằng, ý đồ ký các thỏa thuận thương mại trị giá 20 triệu USD với Iran của Thổ Nhĩ Kỳ có thể buộc Mỹ phải áp dụng các biện pháp cấm vận. Thực tế, nhiều quan chức Thổ Nhĩ Kỳ sẽ oán hận Mỹ, nhưng ông Erdogan và các quan chức khác của JDP đều hiểu rằng Thổ Nhĩ Kỳ rất cần sự giúp đỡ kinh tế và chính trị của Oasinhton. Chuyến thăm Têhêran của ông Erdogan còn cho thấy, Thổ Nhĩ Kỳ đang mở rộng mối quan hệ kinh tế với Iran. Ngược lại với các đối tác châu Âu và Mỹ, dường như ông Erdogan chẳng bận tâm gì đến vấn đề hạt nhân của Iran. Trong thời gian ở thăm Têhêran, ông ta rất ít khi đề nghị các quan chức Iran nên hợp tác với Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế.

"Sáng kiến Đại Trung Đông" do Mỹ đề xuất quy định việc tiến hành các cuộc cải cách kinh tế và chính trị ở các nước khu vực Trung Đông để đổi lấy sự trợ giúp tài chính quan trọng từ phía các nước phương Tây. Trên thế giới và ở trong bản thân khu vực, người ta có thái độ khác nhau đối với sáng kiến này. Vấn đề là ở chỗ các dân tộc Trung Đông vốn có thái độ bi quan đối với chính sách của phương Tây. Còn nếu lưu ý đến tính chất đầy tham vọng của kế hoạch



được đề xuất và quy mô của các vấn đề hiện có thì liệu có đáng ngạc nhiên không khi hình mẫu xây dựng lại Đại Trung Đông này ngay từ đầu đã khiến người ta nghi ngại. Là một nước mà những sự kiện ở Trung Đông có tác động trực tiếp tới nó, Thổ Nhĩ Kỳ đang tiếp cận dự án đó một cách thực tế và xây dựng.

Ankara đã trình bày rõ ràng lập trường của mình đối với các vấn đề Trung Đông từ lâu trước khi sáng kiến "Đại Trung Đông" trở thành một chủ đề được ưa thích của báo chí và các cuộc tranh luận trên truyền hình. Thổ Nhĩ Kỳ ủng hộ một Trung Đông dân chủ, tự do, cởi mở và hòa bình hơn, nơi cần phải trở thành một khu vực được điều hành và có nền kinh tế có hiệu quả. Đó không phải là sự lý tưởng hóa vô căn cứ. Những lợi ích quốc gia của Thổ Nhĩ Kỳ đòi hỏi để các quốc gia láng giềng sống trong hòa bình và ổn định mà Thổ Nhĩ Kỳ có thể phối hợp hành động với các nước này ở tất cả các cấp. Như vậy, những mục tiêu của Thổ Nhĩ Kỳ là phù hợp với những nhiệm vụ tích cực của dự án "Đại Trung Đông".

Trong những cố gắng tìm kiếm giải pháp cho các vấn đề đã chín muồi, các nước Trung Đông cần phải dựa vào tiềm năng trí thức của dân tộc mình, những tiềm năng sẽ được mở ra một cách đầy đủ khi trong xã hội thành lập được các cơ cấu tự do và dân chủ. Cũng giống như quyền lực của pháp luật, sự minh bạch và rõ ràng góp phần cho sự ổn định xã hội và làm cho các chế độ chính trị bền vững hơn trong tương lai lâu dài.

### Tài liệu tham khảo

1. Cao Văn Liên, *Tìm hiểu các nước và các hình thức nhà nước trên thế giới*, NXB Thanh niên, Hà Nội 2003
2. Học Viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Phân Viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Chính trị học, *Thế chế chính trị thế giới đương đại*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2003
3. MENA Development Report, *Trade, Investment and Development in the Middle East and North Africa: Engaging with the World*, The World Bank 2003
4. Middle East Times tại [www.metimes.com](http://www.metimes.com)
5. NXB Chính trị Quốc gia, *Các nước và một số lãnh thổ trên thế giới*, tập 1 và 2, Hà Nội 1994
6. Tài liệu hội thảo Quốc tế về *Asia-Middle East Dialogue* tại Singapore, 20-22 tháng 6- 2005
7. Tạp chí *NVD Kinh tế Thế giới* các năm từ 1990 đến 2004
8. The Middle East Journal tại [www.mideasti.org/programs/programs\\_journal.html](http://www.mideasti.org/programs/programs_journal.html)
9. The World Bank, *Economic Growth in the 1990s: Learning from a Decade of Reform*, WB 2005
10. TTX Việt Nam, *Tài liệu tham khảo đặc biệt, Tin kinh tế*, các số từ 2000 đến 6/2005
11. Washington report on Middle East Affairs tại [www.washington-report.org](http://www.washington-report.org)